

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
NĂM 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- **Tên giao dịch:** CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
- **Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:** FICO SERVICE AND TRADING, FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102290682 ngày 07 tháng 6 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- **Vốn chủ sở hữu:** 306.000.000.000 đồng
- **Địa chỉ:** số 01 Phan Đình Giót, Phường Phụng Li, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- **Số điện thoại:** 04.6649298
- **Số fax:** 04.6649219
- **Website:** <http://www.fico-itasco.com>

2. Quá trình hình thành và phát triển

- **Quá trình hình thành và phát triển:** Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thương mại Dịch vụ FICO (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính ITASCO) được thành lập từ năm 2007, theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp giấy phép số 0102290682 ngày 7 tháng 6 năm 2007. Vốn chủ sở hữu được góp bởi toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ ITASCO có địa chỉ tại số 1 Phan Đình Giót

Kể từ ngày thành lập đến nay, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty trên hai lĩnh vực là kinh doanh bất động sản và kinh doanh XNK và thị trường cung cấp trong ngành Than và các lĩnh vực ngoài ngành Than

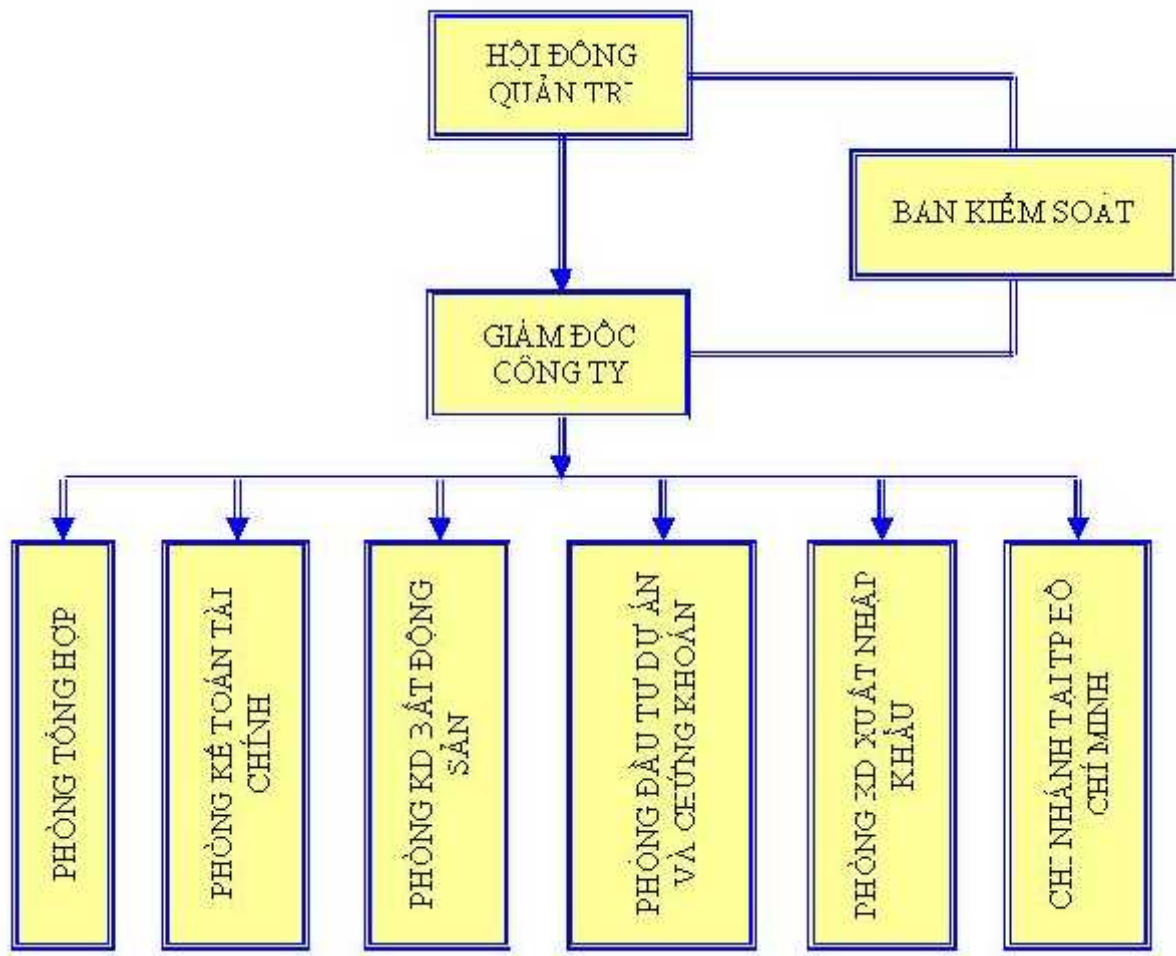
3. Ngành nghề và hoạt động kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Kinh doanh thị trường cho ngành than
 - Đầu tư góp vốn cho lĩnh vực bất động sản

- **Áp dụng kinh doanh:** (Nêu các áp dụng hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất). Trong 2 năm gần đây chủ yếu kinh doanh tại áp dụng Hà Nội (Các dự án bất động sản) và Quảng Ninh (các dịch vụ VTTT thị trường)

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị:** Công ty cổ phần
- **Cấu trúc bộ máy quản lý.**



5. Chiến lược phát triển

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:** Trong tình hình kinh tế khó khăn chung của toàn khu vực, thị trường bất động sản trầm lắng, vì vậy định hướng phát triển xác định tăng cường các dịch vụ phù hợp với nhu cầu của thị trường, tích cực thu hút công nhân viên khách hàng và nhân tài. Về kinh doanh VTTT thị trường, tăng cường tìm kiếm khách hàng và nhà cung cấp mới mở rộng thị trường kinh tế, mang lại lợi nhuận cao.
- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:** Công ty xác định rõ, trong khoảng thời gian ngắn, thị trường bất động sản chưa thể phục hồi nhanh chóng, xác định những lĩnh vực phù hợp cho từng dự án tham gia cùng các đối tác tránh tận dụng thị trường suy thoái.

doanh XK và thị trường duy trì tốt, số cán bộ công nhân viên và bộ phận của công ty, tích cực tìm kiếm các ngành kinh doanh mới phù hợp với ưu thế của công ty trong khai thác ra những cơ hội.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2012 là một năm khó khăn chung của toàn nền kinh tế nước ta Công ty Cổ phần Đầu Tư Tài chính Thương mại Dịch vụ FICO. Các dự án đã không thể triển khai theo kế hoạch, vì việc thu hồi công nợ khó khăn nên ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế của các dự án

Doanh thu trong năm 2012 đạt 60,24 tỷ đồng so với kế hoạch 48 tỷ đồng vượt 26%, lợi nhuận sau thuế đạt 4,779 tỷ đồng so với kế hoạch là 8 tỷ đồng đạt 60%. Kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2012 chủ yếu do nguồn thu từ kinh doanh và một phần thu từ dự án Tây M. Chỉ tiêu lợi nhuận không đạt so với kế hoạch là do thị trường bất ổn, đóng băng, vì việc cung ứng nguồn hàng ra thị trường gặp nhiều khó khăn nên không đạt chỉ tiêu này và chi phí chi trả là 6%.

2. Tài chính và nhân sự

– **Danh sách Ban chỉ đạo:**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và nhiệm vụ làm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch	Nhiệm vụ ngày 10/5/2012
Ông Phạm Văn Thành	Chủ tịch	Mission ngày 10/5/2012
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Cúc	Thành viên	Nhiệm vụ ngày 10/5/2012

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên của Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và nhiệm vụ làm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng

KẾ TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc từ ngày 31 tháng 12 năm 2012.

– **Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):** không có

– **Số lượng cán bộ, nhân viên**

- **Vào năm:** Tổng số lao động năm 2012 là 36 người giảm 05 người so với năm 2011
- **Vào năm và tình hình:**

Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2013 là: 32 người

Tổng quỹ lương trích 2013: 1.982.805.620 đồng

Tình hình bình quân trên công nhân: 4.238.316 đồng/người/tháng (giảm hơn 50% so với năm 2011)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư:

- Dự án khu chức năng đô thị Tây M:

Dự án Tây M đang trong quá trình bàn giao nhà cho khách hàng. Tính đến hết năm 2011 FICO và Viglacera đã xác nhận lợi nhuận tạm thời của dự án cho Fico là: 66.300.310.432 đồng và Viglacera đã chuyển trả: 35.950.022.530 đồng.

- Dự án đầu tư xây dựng siêu thị, văn phòng cho thuê tại lô A7 khu đô thị Nam Trung Yên, Hà Nội.

Dự án siêu thị, văn phòng cho thuê và nhà bán trên ô tô A7/CC2 khu đô thị Nam Trung Yên là dự án có vốn đầu tư hàng triệu USD mang lại hiệu quả kinh tế. Công ty FICO và Công ty Hí Phát đã cùng nhau hợp tác kinh doanh dự án theo Hợp đồng số 86/2009/HHTKD ngày 24 tháng 11 năm 2009. Hai bên đã tích cực triển khai tiến độ dự án theo các cam kết trong Hợp đồng, tuy nhiên tiến độ dự án bị chậm trễ kéo dài do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Thuyết minh: Do dự án điều chỉnh lại quy hoạch so với quy hoạch được xét duyệt về các chỉ tiêu ban đầu như sau:

- **Chỉ số:** siêu thị
- **Diện tích đất:** 12.619 m²
- **Mức xây dựng:** 30%
- **Tổng cao trung bình:** 07 tầng.

Các chỉ tiêu quy hoạch mới sau khi Công ty xin xuất điều chỉnh:

- **Tổng diện tích đất:** 12.619 m²
- **Diện tích đất xây dựng:** 4.755 m²
- **Mức xây dựng:** 37,68%
- **Hệ số tầng:** 8,61 tầng

- Tổng diện tích sàn: 108.660 m²
- Số tầng cao công trình: 03 khối 25 tầng và 02 tầng hầm.
- Chiều cao công trình: 96.9 m.

Trong đó khối chung cư 03 khối tầng 01 – tầng 03 có chức năng siêu thị chiếm 17,18% tổng diện tích sàn phân phối.

Ngoài các chỉ tiêu quy hoạch cơ cấu nhà, Công ty xin bổ sung thêm chức năng nhà bán lẻ chiếm 30,55% tổng diện tích sàn phân phối.

Thứ hai: Do dự án khu đô thị mới Tây Nam – khu xây dựng thương mại chung cư nhà phố quy hoạch chi tiết 1/500.

Do đó, dự án A7/CC2 cần xét duyệt quy hoạch sau khi quy hoạch mục địa điểm toàn khu cơ cấu nhà. Bên cạnh là một số nguyên nhân chính quan trọng quá trình phê duyệt hiện tại của phòng đất đai dự kiến kéo dài hơn nữa.

Kết quả thực hiện:

Ngày 28 tháng 8 năm 2012, Sở Quy hoạch – Kiến trúc Hà Nội đã tổ chức họp phê duyệt dự án cơ cấu nhà phố quy hoạch chi tiết khu đô thị mới Tây Nam Hà Nội – Khu xây dựng thương mại 1/500 với các thành viên thành phố Hà Nội.

Ngày 17 tháng 9 năm 2012, Sở Quy hoạch – Kiến trúc ra thông báo số 2731/TB-QHKT – P1 thông tin về quy mô công trình dự án A7/CC2 và có thể bổ sung thêm chức năng nhà theo chức năng cho phép của UBND thành phố Hà Nội với yêu cầu mật độ xây dựng không quá 50% tổng diện tích sàn xây dựng, trong đó dành tối thiểu 50% diện tích sàn xây dựng nhà ở thương mại đáp ứng các tiêu chuẩn chung toàn khu đô thị.

Hiện nay khi làm toán nhà cần xác định hành kế toán các công trình của toàn bộ dự án Nam Trung Yên trong đó có dự án A7/CC2. Các hồ sơ Kế toán nhà cần yêu cầu bổ sung văn bản, giấy thích, tuy nhiên Kế toán nhà cần yêu cầu cung cấp giấy trình hồ sơ chi tiết.

- Dự án Ao Sào.

Công ty đang tiến hành thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư số 08/2007/HHT ngày 30 tháng 11 năm 2007 ký kết với Công ty Cổ phần và Phát triển Nông nghiệp.

Một số khách hàng của FICO đã rút vốn đầu tư dự án.

Hiện tại Công ty đang làm phán quyết tác nhân thúc đẩy tiến độ thực hiện dự án mà bỏ quên lợi ích của khách hàng đã góp vốn, tăng cường công tác giải phóng mặt bằng, nên bù đắp thiệt hại cho các hộ dân trong khu vực dự án.

- b) **Các công ty con, công ty liên kết: (Tổng tài sản hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết):** Không có

4. Tình hình tài chính

a) **Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
<i>* Chỉ tiêu không phải là tài chính tín dụng và tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	175.621.082.278	188.281.555.469	
Doanh thu thuần	1.390.186.727	50.961.893.116	
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	1.906.986.155	4.784.926.025	
Lợi nhuận khác	42.383.195	-5.825.065	
Lợi nhuận trước thuế	1.949.369.350	4.779.100.960	
Lợi nhuận sau thuế	1.949.369.350	4.779.100.960	
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế	3.54	8.67	

b) **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSL /N ngắn hạn	1.4	1.44	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSL - Hàng tồn kho</u> N ngắn hạn	1.38	1.42	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số N/Tổng tài sản	0.66	0.67	
+ Hệ số N/Vốn chủ sở hữu		2.02	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá trị hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	0.55	22.5	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.01	0.27	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau	1.4	0.09	

thu /Doanh thu thuần			
+ H s L i nhu n sau thu /V n ch s h u	0.03	0.08	
+ H s L i nhu n sau thu /T ng tài s n	0.01	0.03	
+ H s L i nhu n t ho t ng kinh doanh/Doanh thu thuần	1.37	0.09	
.....			

5. Các công, thay i v n u t c a ch s h u

a) C ph n:

- Tổng số cổ phiếu: 30.600.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

b) Các công:

Danh sách công sáng lập

ST T	Tên công	N i ng ký h kh u th ng trú/ a ch tr s chính	Lo i c ph n	S c ph n	Giá tr c ph n (VN)	T l (%)	S CMTND/ Mã s DN
1	PH M V N TH NG	S 12 t p th C c c nh sát hình s , t ch c 59 Yên Hòa, Qu n C u Gi y, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	1.620.000	16.200.000.000	5,29	012515677
2	NGUY N TUÁN ANH	S 14, ngõ 61/44 Tr n Duy H ng, ph ng Trung Hòa, Qu n C u Gi y, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	2.070.000	20.700.000.000	6,76	012931168
3	NGUY N C THÁI	F21 – A12, ph ng B c Ngh a Tân, Qu n C u Gi y, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	2.700.000	27.000.000.000	8,82	012109299

c) **Tình hình thay đổi về cách thức:** Nếu các hoạt động chính trong năm bao gồm các hoạt động chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển nhượng trái phiếu, chuyển nhượng quyền, phát hành chứng khoán, trực tiếp bằng chứng khoán...vvv thành công: Không có

d) **Giao dịch chứng khoán:** Nếu số lượng chứng khoán hiện tại, liệt kê các giao dịch chứng khoán đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và kết quả giao dịch: Không có

e) **Các chương trình khác:** nêu các hoạt động phát hành chương trình khác đã thực hiện trong năm. Nếu số lượng, nội dung các loại chương trình khác hiện đang lưu hành và các cam kết của thực hiện của công ty và cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chương trình: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đúng hướng và đúng mục tiêu

STT	Chỉ tiêu	Khoạch	Thực tế	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Doanh thu	48.000.000.000	60.240.687.643	126
	- Tổng	18.000.000.000	9.000.000.000	50
	-Kinh doanh XNK	30.000.000.000	50.961.893.116	170
	-Khác		278.794.527	
2	Giá trị sản xuất	19.500.000.000	9.204.964.262	47,2
3	Tổng chi phí	40.000.000.000	55.461.586.683	139
4	Lợi nhuận trước thuế	8.000.000.000	4.779.100.960	60
5	Cổ tức	10%	6%	

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2012 đạt các chỉ tiêu đã hoàn thành kế hoạch

- Doanh thu vượt chỉ tiêu kế hoạch 126%, trong đó doanh thu hoạt động tổng đạt 50%, kinh doanh xuất nhập khẩu đạt 170% kế hoạch.
- Giá trị sản xuất đạt 9,2 tỷ đồng tăng 47,2% kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt gần 4,8 tỷ đồng tăng 245% so với năm 2011 (năm 2011 lợi nhuận trước thuế chỉ 1,9 tỷ đồng) tuy nhiên công suất đáp ứng chỉ 60% kế hoạch trong năm 2012 vượt chỉ tiêu lợi nhuận

- Trong năm 2012 công ty đã cắt giảm tín dụng và mở kho n chi phí nên chi phí quản lý năm 2012 chỉ còn 5 tỷ đồng, năm 2011 là gần 9.5 tỷ đồng (giảm 47% so với năm 2011)
- Dự kiến mức tăng trưởng năm 2012 là 6% cao hơn mức tăng trưởng năm 2011.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

STT	Chi tiêu	Năm trước (%)	Năm nay (%)	Chênh lệch (%)
1	Cc u tài s n			
1.1	Tài s n dài h n/T ng tài s n	7,849	3,527	(4,322)
1.2	Tài s n ng nh n/T ng tài s n	92,151	96,473	4,322
2	Cc u ngu n v n			
2.1	N ph i tr /T ng ngu n v n	65,639	66,942	1,303
2.2	Ngu n v n ch s h u/T ng ngu n v n	34,361	33,058	(1,303)
3	T su t l i nhu n			
3.1	T su t l i nhu n sau thu /T ng tài s n	1,110	2,538	1,428
3.2	T su t l i nhu n sau thu /Doanh thu thu n	140,224	9,378	(130,846)
3.3	T su t l i nhu n sau thu /Ngu n v n ch s h u	3,230	7,678	4,448
3.4	T su t l i nhu n sau thu /V n i u l th c góp	3,537	8,670	5,134

Trong năm 2012 tổng tài sản của công ty tăng 12.660.473.191 đồng tăng 107% so với năm 2011

T suất lợi nhuận sau thu /Tổng tài sản tăng 1,428% so với năm 2011

T suất lợi nhuận sau thu /Ngu n v n ch s h u tăng 4,448% so với năm 2011

T suất lợi nhuận sau thu /V n i u l th c góp tăng 5,134% so với năm 2011

Tuy nhiên suất lợi nhuận sau thu /Doanh thu thuần giảm 130,846%

b) Tình hình nợ phải trả

ngày 31/12/2012, Công ty phải trả số tiền công ty nợ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin là: **12.581.126.439** đồng

Trên tác Trung Quốc nhập linh kiện tàu thủy là **35.012.896.586** đồng

1	Doanh thu	ng	60.240.687.643	30.000.000.000
2	Giá trị sản xuất	Nt	9.483.758.789	10.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	4.779.100.960	5.000.000.000
4	Lợi nhuận bình quân	Nt	4.500.000	280 /1000 GTSX
5	Các chỉ số	%	6	6

V. **Quy định công ty** (Tích cực chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty nếu chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tài chính này).

1. **Hội đồng quản trị**

a) **Thành viên và chức vụ của Hội đồng quản trị**: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tài sản hữu ích của thành viên có quyền biểu quyết và các chức vụ khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên chấp hành, thành viên không chấp hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác): Không có

b) **Các tài khoản thanh toán của Hội đồng quản trị**: (Liệt kê các tài khoản thanh toán của Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tài khoản): Không có

c) **Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành các cuộc họp chuyên môn bàn về chiến lược marketing, thị trường kinh doanh XNK trong ngành Than, tích cực các cán bộ của Công ty bám sát thị trường, nắm bắt nhu cầu khách hàng và chào hàng, nhằm có các hợp đồng cung cấp vật tư thiết bị.

Vì lợi ích của công ty, từng công ty công tác thu hút công nhân viên kỹ thuật Tây m, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động các thủ tục pháp lý của các dự án đang thực hiện.

d) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị chấp hành không chấp hành**: Không có

e) **Hoạt động của các tài khoản trong Hội đồng quản trị**: không có

f) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ chào mời quản lý công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chức vụ trong công ty trong năm**: Không có

2. **Ban Kiểm soát**

a) **Thành viên và chức vụ của Ban kiểm soát**:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	H S Hiệp	Trưởng ban
2	Th Thành	Ủy viên

3	Bùi Hữu Yên	Uy viên
---	-------------	---------

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện chức năng thay mặt Công ty giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ tin cậy trong các hoạt động quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính... phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của công ty. Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã thực hiện các nội dung công việc sau:

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng tháng/quý, phân công trách nhiệm cho các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã quy định.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD; giám sát việc thực hiện nghị quyết Hội đồng thành viên năm 2012; giám sát việc tuân thủ luật, các quy định quản lý nội bộ của Ban giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị và bộ phận kế toán.
- Phối hợp với các Phòng chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị Công ty, Ban giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành công ty
- Kết hợp cùng với Chi nhánh công ty TNHH Dịch vụ Tài chính kế toán Kiểm toán Việt Nam (nơi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty) thực hiện kiểm tra công tác kế toán, kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.
- Tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, BKS đã xuất ý kiến Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty trong matters nội dung sau:
 - Nghỉ việc việc thực hiện công tác thu hồi công nợ
 - Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 đã được HĐQT thông qua
 - Kiểm soát chi phí của Công ty, vấn đề lương, thu nhập của người lao động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thù lao, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao HĐQT và BKS trích lập: 420.000.000 đồng
- Số đã chi năm 2012: 140.000.000 đồng
- Số còn lại chi trả: 280.000.000 đồng

Chức danh	Mức thù lao (đồng/người/tháng)	Số người	Số tháng	Tổng cộng
-----------	-----------------------------------	----------	----------	-----------

I. Thành viên HĐQT				
1. Chủ tịch HĐQT	20.000.000	01	12	240.000.000
2. UV HĐQT	4.000.000	02	12	96.000.000
II. Ban Kiểm soát				
1. TB Kiểm soát	3.000.000	01	12	36.000.000
2. UV BKS	2.000.000	02	12	48.000.000
Tổng cộng				420.000.000

b) Giao dịch phi thường : (Thông tin về các giao dịch phi thường của các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thủ quỹ công ty, công nhân và nhân viên liên quan tới các nội dung nói trên): *Không có*

c) Hợp đồng giao dịch với công nhân : (Thông tin về hợp đồng, hợp đồng giao dịch đã ký kết hoặc đã thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và nhân viên liên quan tới các nội dung nói trên): *Không có*

d) Việc thực hiện các quy định quản trị công ty: (Nêu rõ nội dung chi tiết hiện thực theo quy định của pháp luật quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/không thực hiện quy định quản trị công ty): *không có*

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI TOÁN
T i ngày 31 tháng 12 năm 2012

đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
A.	TÀI SẢN NGUYÊN	100		181.640.929. 818	161.836.487.22 2

I.	Tiền và các khoản nợ ngắn hạn	110		830.854.546	2.214.948.768
1.	Tiền	111	V.01	830.854.546	2.214.948.768
2.	Các khoản nợ ngắn hạn	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Phòng ngừa giá trị đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		172.706.168.517	148.980.792.036
1.	Phải thu khách hàng	131		36.613.747.778	-
2.	Trợ cấp cho người bán	132		29.523.374.454	37.976.971.446
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	106.569.046.285	111.003.820.590
6.	Phòng ngừa phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		2.254.266.641	2.254.266.641
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	2.254.266.641	2.254.266.641
2.	Phòng ngừa giá trị hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		5.849.640.114	8.386.479.777

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
 Số 1 Phan Đình Giót, phường Phạm Đình Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	78.842.775
2	Thu giá trị gia tăng khách hàng	152		455.158.346	316.678.737
3	Thu và các khoản khác phải thu Nhà cung cấp	154	V.04	621.242.520	621.242.520
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		4.773.239.248	7.369.715.745

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thu y t minh	S c u i n m	S u n m
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.640.625.651	13.784.595.056
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ngắn và trung thu c	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn n i b	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	D phòng phải thu dài hạn khó òi (*)	219		-	-
II.	Tài sản c nh	220		2.158.405.651	2.532.759.727
1.	Tài sản c nh h u hình	221	V.05	2.158.405.651	2.532.759.727
	- Nguyên giá	222		3.561.851.040	3.561.851.040
	- Giá tr hao mòn l y k (*)	223		(1.403.445.389)	(1.029.091.313)
2.	Tài sản c nh thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá tr hao mòn l y k (*)	226		-	-
3.	Tài sản c nh vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá tr hao mòn l y k (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây d ng c b n d dang	230		-	-
III	B t ng s n u t	240		-	-
.					
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá tr hao mòn l y k (*)	242		-	-
IV.	Các khoản u t tài chính dài	250		4.482.220.000	10.890.220.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phụng Li, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

	h n				
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.06	4.482.220.000	19.032.220.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.07	-	(8.142.000.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		-	361.615.329
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	-	361.615.329
2.	Tài sản thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		188.281.555.469	175.621.082.278

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phụng Li, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		126.039.333.393	115.276.213.116
I.	Nợ ngắn hạn	310		126.039.333.393	115.276.213.116
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	597.508.100	2.666.550.000
2.	Phải trả ngắn hạn	312		35.012.896.586	-
3.	Ngõ mua trả tiền trước	313		50.335.000.000	68.093.805.650
4.	Thu và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	215.217.248	130.940.374
5.	Phải trả người lao động	315		-	1.525.351.255
6.	Chi phí phải trả	316	V.11	-	12.134.150.440
7.	Phải trả lãi	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch dự định xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngân hàng khác	319	V.12	38.638.904.689	28.999.114.718
10.	D phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quà khen thưởng, phúc lợi	323		1.239.806.770	1.726.300.679
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thu thuế hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	D phòng trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho	336		-	-
7.	D phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.242.222.076	60.344.869.162

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phụng Li, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.13	62.242.222.076	60.344.869.162
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.120.000.000	55.120.000.000
6.	Chênh lệch giá trị oái	416		-	125.748.046
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.390.461.307	1.390.461.307
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		952.659.809	870.230.654
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chia phân phối	420		4.779.100.960	2.838.429.155
11.	Ngũn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sản xuất doanh nghiệp	422		-	-
II.	Ngũn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Ngũn kinh phí	432		-	-
2.	Ngũn kinh phí đã hình thành TSC	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGũN VỐN	440		188.281.555.469	175.621.082.278

CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI TOÁN

STT	CHI TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận gửi, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại USD		-	-
			2.151	2.136
6.	Dòng toán chi sản xuất, dự án		-	-

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

Người lập báo cáo

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hằng

Trần Thị Thanh Huyền

Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	50.961.893.116	1.390.186.727
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		50.961.893.116	1.390.186.727
4.	Giá trị hàng bán	11	VI.02	50.756.928.854	1.233.187.302
5.	Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		204.964.262	156.999.425
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	9.278.794.527	16.208.006.097
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	(970.046.501)	5.034.733.321
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		672.082.083	2.091.072.833
8.	Chi phí bán hàng	24		661.615.329	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.007.263.936	9.423.286.046
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.784.926.025	1.906.986.155
11.	Thu nhập khác	31		-	622.668.182
12.	Chi phí khác	32		5.825.065	580.284.987
13.	Lợi nhuận khác	40		(5.825.065)	42.383.195
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.779.100.960	1.949.369.350

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
 Số 1 Phan Đình Giót, phường Phụng Li, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

15.	Chi phí thu TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thu TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thu TNDN	60		4.779.100.960	1.949.369.350
18.	Lãi chẵn trên chi phí	70	VI.0	867	354
			5		

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Kiểm toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hằng

Trần Thị Thanh Huyền

Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN T

(Theo phương pháp giá trị)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CH TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		4.779.100.960	1.949.369.350
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		374.354.076	447.827.527
-	Các khoản d phòng	03		(8.142.000.000)	1.988.325.000
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chính trị	04		(34.182.385)	(769.541.958)
-	Lãi, lỗ hoạt động tài chính	05		(2.614.317.463)	(15.547.628.759)
-	Chi phí lãi vay	06		672.082.083	2.091.072.833
3.	<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thuế điều chỉnh</i>	08		(4.964.962.729)	(9.840.576.007)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.267.379.593)	(19.375.952.064)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	(470.920.229)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		12.385.186.178	(56.054.811.138)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		440.458.104	(5.935.700)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(672.082.083)	(112.224.019)
-	Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
-	Tiền thu khác hoạt động kinh doanh	15		2.747.896.839	35.268.378.109
-	Tiền chi khác hoạt động kinh doanh	16		(1.175.312.174)	(30.581.169.807)
	Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh	20		(12.506.195.458)	(81.173.210.855)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phụng Li, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

II.	L u c h u y n t i n t h o t n g u t			
-	Ti n chi mua s m, xây d ng TSC và các TS dài h n khác	21	-	(202.338.541)
-	Ti n thu t thanh lý, nh ng bán TSC và các TS dài h n khác	22	-	660.000.000
-	Ti n chi cho vay, mua các công c n c a n v khác	23	-	(13.500.000.000)
-	Ti n thu h i cho vay, bán l i các công c n c a n v khác	24	-	13.512.134.232
-	Ti n chi u t góp v n vào n v khác	25	-	-
-	Ti n thu h i u t góp v n vào n v khác	26		84.000.000.000
-	Ti n thu lãi cho vay, c t c và l i nhu n c chia	27	16.059.540.459	20.368.317.565
	L u c h u y n t i n t h u n t h o t n g u t	30	16.059.540.459	104.838.113.256

Đơn vị tính: VND

STT	CH TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Nợ hiện tại	Nợ quá hạn
III.	Lưu chuyển tín dụng tài chính				
1.	Tín dụng phát hành chứng khoán, nhận góp vốn cổ phần	31		-	-
2.	Tín dụng chi trả góp cho các chi phí, mua trái phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tín dụng ngắn hạn, dài hạn nhận	33		11.188.495.900	-
4.	Tín dụng chi trả ngắn hạn vay	34		(13.257.537.800)	(20.152.450.000)
5.	Tín dụng chi trả thuê tài chính	35		-	-
6.	Chi phí, chi trả trước cho chi phí	36		(2.864.500.000)	(5.819.310.000)
	Lưu chuyển tín dụng tài chính	40		(4.933.541.900)	(25.971.760.000)
	Lưu chuyển tín dụng trong năm	50		(1.380.196.899)	(2.306.857.599)
	Tín dụng và tài sản ngắn hạn	60		2.214.948.768	4.517.868.975
	nhận chuyển đổi giá trị tài sản quy đổi	61		(3.897.323)	3.937.392
	Tín dụng và tài sản ngắn hạn cuối năm	70		830.854.546	2.214.948.768

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Phú

Kiểm toán

Giám đốc

Phạm Thị Hằng

Trần Thị Thanh Huyền

Nguyễn Tuấn Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

I. CHỈ MÔ TẢ NG CẢ DOANH NGHIỆP

01. Hình thức hoạt động

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Bán phôi thép và các bộ phận phụ trợ của ngành khai thác than và tàu thủy.
- Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số ngành nghề của công ty được phép kinh doanh trong năm tài chính của phát sinh tại Công ty bao gồm:
- Dịch vụ môi giới bất động sản;
 - Cho thuê nhà;
 - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
 - Bán ô tô và xe có gắn máy;
 - Buôn bán phôi thép, phế phẩm kim loại, phi kim loại;
 - Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
 - Giáo dục tiểu học;
 - Mua bán, gia công, chế tác vàng, bạc, đá quý;
 - Khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản;
 - Trồng rừng, khai thác gỗ (trừ loại Nhà nước);
 - Sản xuất, chế biến, mua bán và xuất nhập khẩu nông, lâm, thủy sản (trừ loại Nhà nước);
 - Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xuất công trình hình thành chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hình thành cho thuê đất;
 - Xuất khẩu và xuất các công trình hình thành trên đất thuê cho thuê đất đã có hình thành;
 - Thuê nhà, công trình xây dựng cho thuê đất;
 - Mua nhà, công trình xây dựng bán, cho thuê, cho thuê mua;
 - Xuất khẩu nhà, công trình xây dựng bán, cho thuê, cho thuê mua;

- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác chế biến và mua bán khoáng sản các loại (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản xuất gang thép;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông và các sản phẩm xi măng, vữa;
- Dịch vụ quản lý các tòa nhà cao tầng, các khu đô thị, khu chung cư cao cấp bao gồm: bảo dưỡng, sửa chữa, làm vệ sinh, trông xe;
- Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- Xây dựng các khu công nghiệp, khu nhà ở, nhà nghỉ dưỡng, công trình thể thao, trường học, bệnh viện, công trình y tế;
- Kinh doanh khách sạn nhà hàng, nhà nghỉ, lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch, kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, dịch vụ du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, câu lạc bộ thể thao, dịch vụ sân golf, sân tennis, bowling (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp, xuất nhập khẩu gián tiếp các loại: dệt may, dệt da, giày dép, quần áo, phụ kiện, nguyên vật liệu, sắt thép, xăng dầu, hàng tiêu dùng;
- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp và dân dụng;
- Dịch vụ bốc xếp, san lấp, vận chuyển than và đất đá;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh than và khoáng sản các loại (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Quản lý, quản cáo, đấu giá bất động sản;
- Đầu tư tài chính và xây dựng các dự án bất động sản, thương mại, xi măng, hóa chất, các ngành sản xuất, dịch vụ khác.

II. NỘI DUNG TÀI CHÍNH, NỘI DUNG TÍNH SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Nội dung tài chính

Nội dung tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Nội dung tính sử dụng trong kế toán

Nội dung tính sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỐC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31

tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chủ nhiệm kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về tuân thủ chủ nhiệm kế toán và chức vụ kế toán

Báo cáo tài chính lập và trình bày phù hợp với các chủ nhiệm kế toán, chức vụ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tín và các khoản nợ ngắn hạn

Các khoản tín bao gồm tín phiếu, tín phiếu ngân hàng, tín phiếu chuyển.

Các khoản nợ ngắn hạn là các khoản nợ ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi thành tiền và không có ưu đãi trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản nợ đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bên ngoài được quy định ra ngoài Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thị trường phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nội doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tỷ giá hối đoái hiện tại, các khoản mục tín có gốc ngoại tệ được quy định theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nội doanh nghiệp mua tài khoản công bố tỷ giá hối đoái lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tín hối đoái hiện tại hiện tại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh có liên quan hàng tồn kho mua và trường hợp thái hiếm có.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCD hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCD hữu hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, trích theo phương pháp thẳng. Thời gian khấu hao xác định phù hợp với quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 06 – 25 năm
- Phương tiện vận tải 08 năm
- Thiết bị văn phòng 03 – 08 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận và vận hóa các khoản chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong khi phát sinh, trừ chi phí vay liên quan trực tiếp với cấu trúc xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (còn vốn hoá) khi có các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí vay”.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vận hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trực tiếp vận hóa phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí bỏ lãnh.

Chi phí trực tiếp phân bổ theo phương pháp thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phát sinh

Các khoản chi phí phát sinh phát sinh ngay được trích trực tiếp vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ mà bỏ khi chi phí phát sinh phát sinh phát sinh không gây thiệt hại cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở mà bỏ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí phát sinh, nếu có chênh lệch về lãi trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vận hóa

Vận dụng cách xử lý ghi nhận theo số vận chuyển góp cách xử lý.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lãi ròng và lợi ích gắn liền với quy định của sản phẩm hoặc hàng hóa đã chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định một cách chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tín dụng thu hoặc số thu được theo nguyên tắc kế toán định tính. Các khoản nợ nợ khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tín lãi, tín bản quy định, cổ tức, lợi nhuận chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thanh toán hai (02) kỳ tiếp theo sau:

- Có khoản thu lợi ích kinh tế giao dịch;
- Doanh thu xác định từ các khoản.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho các khoản liên quan đến các hoạt động tài chính;
- Chi phí lãi vay;
- Các khoản chi do thay đổi giá trị của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo từng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời về khấu trừ, chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tài sản

	S c u i n m	S u n m
- Tài sản cố định	698.004.117	1.607.088.990
- Tài sản ngắn hạn	132.850.429	607.859.778
- Tài sản chuyển nhượng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phụng Li, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Cộng	830.854.546	2.214.948.768
-------------	--------------------	----------------------

02. Các khoản phí thu khác

	S c u i n m	S u n m
- Phí thu khác	106.569.046.285	111.003.820.590
+ <i>Tổng Công ty đầu tư và ô tô Viglacera (*)</i>	11.049.777.470	18.000.000.000
+ Bà Bùi Hiên (**)	24.750.000.000	21.900.000.000
+ Ông Nguyễn Minh Tuấn (**)	57.349.960.000	57.249.960.000
+ Ông Võ Bội Long (**)	11.362.000.000	12.562.000.000
+ Ông Nguyễn Bá Tuấn	1.000.000.000	-
+ Phí thu khác	1.057.308.815	1.291.860.590
Cộng	106.569.046.285	111.003.820.590

(*) Là khoản phí thu Tổng Công ty đầu tư và ô tô Viglacera và liên quan tới hợp tác đầu tư xây dựng Dự án khu nhà bán lẻ Tây M, huyện Từ Liêm, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 46/2007/HHT ngày 26 tháng 6 năm 2007 giữa Công ty và Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng.

(**) Là khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 94.461.960.000 đồng.

03. Hàng tồn kho

	S c u i n m	S u n m
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.254.266.641	2.254.266.641
- Hàng hoá	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	2.254.266.641	2.254.266.641

04. Thu và các khoản phí thu Nhà nước

	S c u i n m	S u n m
- Thu thuế nhập doanh nghiệp nộp thuế	621.242.520	621.242.520
Cộng	621.242.520	621.242.520

Đơn vị tính: VND

05. Tài sản tài chính không có hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phong tiển văn phòng, trụ sở	Thị trường, đầu tư tài chính	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số đầu tư</i>	2.781.076.439	582.390.000	198.384.601	3.561.851.040
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Mua từ XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tài sản khác	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Phân loại lại tài sản	(1.384.452.177)	1.384.452.177	-	-
<i>Số cuối năm</i>	1.396.624.262	1.966.842.177	198.384.601	3.561.851.040
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số đầu tư</i>	401.112.208	494.826.411	133.152.694	1.029.091.313
- Khấu hao trong năm	106.684.656	245.855.280	21.814.140	374.354.076
- Tài sản khác	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giá trị khác	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phụng Li, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

S d cu in m **507.796.864** **740.681.691** **154.966.834** **1.403.445.389**

III. Giá trị còn lại

1. T i ngày u n m **2.379.964.231** **87.563.589** **65.231.907** **2.532.759.727**

2. T i ngày cu i n m **888.827.398** **1.226.160.486** **43.417.767** **2.158.405.651**

Đơn vị tính: VND

06. Các khoản đầu tư tài chính

	S c u i n m		S u n m	
	S l ợ n g	Giá tr	S l ợ n g	Giá tr
- Đầu tư cổ phiếu				
+ <i>Quỹ đầu tư chung</i>				
<i>khoản con H Việt Nam</i>	-	-	1.500.000	15.000.000.000
+ <i>Công ty Cổ phần</i>				
<i>Sunny</i>	403.222	4.032.220.000	403.222	4.032.220.000
+ <i>Công ty Cổ phần</i>				
<i>MB</i>	46.575	450.000.000	-	-
Cộng		4.482.220.000		19.032.220.000

07. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	S c u i n m	S u n m
- Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	-	(8.142.000.000)
Cộng	-	(8.142.000.000)

08. Chi phí trả trước dài hạn

	S c u i n m	S u n m
- Chi phí bảo lãnh	-	361.615.329
Cộng	-	361.615.329

09. Vay và nợ ngắn hạn

	S c u i n m	S u n m
Vay ngắn hạn	597.508.100	2.666.550.000
- Vay ngân hàng	597.508.100	-
+ <i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	597.508.100	-
- Vay khác	-	2.666.550.000
+ <i>Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ</i>	-	2.666.550.000
<i>Vinacomin</i>		
Vay dài hạn ngắn hạn	-	-
Cộng	597.508.100	2.666.550.000

10. Thu và các khoản phải nộp Nhà nước

	S c u i n m	S u n m
--	--------------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phạm Đình Lì, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

- Thu giá trị gia tăng	87.742.115	-
- Thu xuất, nhập khẩu	25.555.956	-
- Thu thu nhập cá nhân	101.919.177	130.940.374
Cộng	215.217.248	130.940.374

11. Chi phí phải trả

	S c u i n m	S u n m
- Chi phí lãi vay phải trả	-	12.134.150.440
Cộng	-	12.134.150.440

n v tính: VND

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngân sách khác

	S c u i n m	S u n m
- Kinh phí công đoàn	134.916.210	100.903.318
- Bảo hiểm xã hội	82.028.716	-
- Bảo hiểm y tế	6.766.660	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.944.220	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	38.412.248.883	28.898.211.400
+ <i>Phí trả tín dụng khách hàng tại Ngân hàng</i> <i>Sào</i>	<i>24.700.000.000</i>	<i>27.900.000.000</i>
+ <i>Phí trả trực tiếp</i>	<i>688.300.000</i>	<i>796.800.000</i>
+ <i>Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ</i> <i>Vinacomin (lãi vay)</i>	<i>12.581.126.439</i>	-
+ <i>Phí trả khác</i>	<i>442.822.444</i>	<i>201.411.400</i>
Cộng	38.638.904.689	28.999.114.718

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng chi tiết biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư cá nhân hữu	Chênh lệch t giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ phòng tài chính	Lợi nhuận sau thu nhập phân phối	Tổng cộng
Số đầu tư ban đầu	55.120.000.000	(185.702.844)	350.000.000	350.000.000	10.404.613.074	66.038.910.230
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.949.369.350	1.949.369.350
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Hoàn nhập chênh lệch t giá	-	185.702.844	-	-	-	185.702.844
- Phân phối lợi nhuận	-	-	1.040.461.307	520.230.654	(9.515.553.269)	(7.954.861.308)
- Ảnh hưởng chênh lệch t giá cuối năm	-	125.748.046	-	-	-	125.748.046
Số cuối năm trước	55.120.000.000	125.748.046	1.390.461.307	870.230.654	2.838.429.155	60.344.869.162
Số đầu tư năm nay	0					
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	4.779.100.960	4.779.100.960
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	82.429.155	(2.838.429.155)	(2.756.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 1 Phan Đình Giót, phường Phụng Li, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(*)

- Hoàn nhập chênh lệch giá	-	(125.748.046)	-	-	-	(125.748.046)	
- Giá khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư hiện nay		55.120.000.000	-	1.390.461.307	952.659.809	4.779.100.960	62.242.222.076
		0					

(*): Trong đó chia cổ tức trong năm là 2.756.000.000 đồng, số còn lại trích lập quỹ phòng tài chính theo Nghị Quyết số 185/NQ - HĐQT ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Hội đồng Công ty năm 2012.

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư các sở hữu

	S c u i n m	S u n m
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các cá nhân khác	55.120.000.000	55.120.000.000
Cộng	55.120.000.000	55.120.000.000

c. Các giao dịch vốn và phân phối cổ, chia lợi nhuận

	N m nay	N m tr ớc
- Vốn đầu tư các sở hữu		
+ Vốn góp vốn	55.120.000.000	55.120.000.000
+ Vốn góp trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	55.120.000.000	55.120.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.756.000.000	6.614.400.000

d. Chi phí

	S c u i n m	S u n m
- Số lượng chi phí đăng ký phát hành	30.600.000	30.600.000
- Số lượng chi phí đã bán ra công chúng	5.512.000	5.512.000
+ <i>Chi phí phát thông</i>	<i>5.512.000</i>	<i>5.512.000</i>
+ <i>Chi phí lãi</i>	-	-
- Số lượng chi phí mua lại	-	-
+ <i>Chi phí phát thông</i>	-	-
+ <i>Chi phí lãi</i>	-	-
- Số lượng chi phí đăng ký hành	5.512.000	5.512.000
+ <i>Chi phí phát thông</i>	<i>5.512.000</i>	<i>5.512.000</i>
+ <i>Chi phí lãi</i>	-	-

* Mức giá chi phí đăng ký hành: 10.000 đồng/chi phí

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	N m nay	N m tr c
- Doanh thu bán hàng	50.961.893.116	1.390.186.727
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	50.961.893.116	1.390.186.727

02. Giá trị hàng bán

	N m nay	N m tr c
- Giá trị các hàng hóa đã bán	50.756.928.854	1.233.187.302
- Giá trị các dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	50.756.928.854	1.233.187.302

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	N m nay	N m tr c
- Lãi tín dụng, tín dụng cho vay	109.317.929	368.317.565
- Các khoản lãi nhận chia (*)	9.000.000.000	15.000.000.000
- Lãi chênh lệch giá đã thực hiện	135.294.213	70.146.574
- Lãi chênh lệch giá chưa thực hiện	34.182.385	769.541.958
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	9.278.794.527	16.208.006.097

(*) Là khoản lãi nhận từ Hợp đồng hợp tác đầu tư với Tổng Công ty đầu tư hàng và ô tô Viglacera.

04. Chi phí tài chính

	N m nay	N m tr c
- Lãi tín dụng	672.082.083	2.091.072.833
- Lợi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	6.495.000.466	-
- L chênh lệch giá đã thực hiện	4.870.950	954.430.972
- L chênh lệch giá chưa thực hiện	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phụng Li, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

- D phòng ghi m giá các kho n ư t ng n h n, dài h n	(8.142.000.000)	1.988.325.000
- Chi phí tài chính khác	-	904.516
C ng	(970.046.501)	5.034.733.321

05. Lãi c b n trên c phi u

	N m nay	N m tr c
L i nhu n k toán sau thu TNDN	4.779.100.960	1.949.369.350
Các kho n i u ch nh t ng ho c gi m l i nhu n k toán xác nh l i nhu n ho c l phân b cho c ông s h u CP ph thông	-	-
L i nhu n ho c l phân b cho c ông s h u c phi u ph thông	4.779.100.960	1.949.369.350
C phi u ph thông ang l u hành bình quân trong n m	5.512.000	5.512.000
Lãi c b n trên c phi u	867	354

06. Chi phí s n xu t, kinh doanh theo y u t

	N m nay	N m tr c
- Chi phí nguyên li u, v t li u	-	-
- Chi phí nhân công	1.841.403.476	5.261.828.715
- Chi phí kh u hao tài s n c nh	374.354.076	447.827.527
- Chi phí đ ch v mua ngoài	872.612.111	1.059.083.067
- Chi phí khác b ng tí n	2.580.509.602	3.135.653.693
C ng	5.668.879.265	9.904.393.002

VII. THÔNG TIN B SUNG CHO CÁC KHO N M C TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO L U CHUY N TI NT

Không có thông tin.

VIII. NH NG THÔNG TIN KHÁC

01. Thông tin so sánh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
Số 1 Phan Đình Giót, phường Phạm Lợi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc từ ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

02. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoán đổi kinh doanh nào có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở ghi nhận Công ty sử dụng hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2013

Người lập báo cáo

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hằng

Trần Thị Thanh Huyền

Nguyễn Tuấn Anh

Xác nhận của tôi diễn theo pháp luật của Công ty

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

(Ầ KÝ)